

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN NA RÌ HAMICO

Địa chỉ: Thôn Lũng Hoàn, xã Xuất Hóa, thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn kế toán từ ngày 01/10/2013 đến ngày 31/12/2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Quý IV năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.293.573.295.974	924.077.737.780
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2.567.833.843	3.339.891.041
1. Tiền	111		2.567.833.843	3.339.891.041
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		716.153.797.594	556.841.645.384
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	268.169.962.930	260.478.183.571
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	445.092.834.664	278.955.422.985
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	2.891.000.000	17.661.000.000
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	-	(252.961.172)
IV. Hàng tồn kho	140		553.535.426.972	337.799.651.710
1. Hàng tồn kho	141	V.6	553.535.426.972	337.799.651.710
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		21.316.237.565	26.096.549.645
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	379.101.550	264.970.371
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	V.8	5.525.983.908	2.831.837.102
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.9	4.497.409.935	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	10.913.742.172	22.999.742.172

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN NA RÌ HAMICO

Địa chỉ: Thôn Lũng Hoàn, xã Xuất Hóa, thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn kế toán từ ngày 01/10/2013 đến ngày 31/12/2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		303.232.690.310	315.606.998.203
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		254.728.368.089	272.738.658.052
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	193.152.566.586	174.183.666.724
<i>Nguyên giá</i>	222		281.971.432.131	244.830.022.306
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(88.818.865.545)	(70.646.355.582)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	541.000.000	541.000.000
<i>Nguyên giá</i>	228		541.000.000	541.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	61.034.801.503	98.013.991.328
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		48.504.322.221	42.400.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.14	50.000.000.000	41.800.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.15	600.000.000	600.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.16	(2.095.677.779)	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	468.340.151
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.17	-	468.340.151
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.596.805.986.284	1.239.684.735.983

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN NA RÌ HAMICO

Địa chỉ: Thôn Lũng Hoàn, xã Xuất Hóa, thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn kế toán từ ngày 01/10/2013 đến ngày 31/12/2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.218.038.444.079	870.270.717.354
I. Nợ ngắn hạn	310		1.138.645.713.238	795.560.985.631
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.18	912.211.392.103	601.502.713.767
2. Phải trả người bán	312	V.19	72.227.994.218	75.865.264.997
3. Người mua trả tiền trước	313	V.20	30.694.913.203	20.495.809.984
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.21	3.200.777.562	23.566.108.006
5. Phải trả người lao động	315	V.22	765.069.545	1.094.069.544
6. Chi phí phải trả	316	V.23	64.946.024.647	18.689.049.290
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.24	50.700.138.923	50.448.567.006
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.25	3.899.403.037	3.899.403.037
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		79.392.730.841	74.709.731.723
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.26	79.392.730.841	74.709.731.723
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		378.767.542.205	369.414.018.629
I. Vốn chủ sở hữu	410		378.767.542.205	369.414.018.629
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.27	241.900.000.000	241.900.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.28	24.780.000.000	24.780.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.29	25.759.453.786	25.759.453.786
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.30	6.358.402.931	6.358.402.931
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.31	79.969.685.488	70.616.161.912
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.596.805.986.284	1.239.684.735.983

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN NA RÌ HAMICO

Địa chỉ: Thôn Lũng Hoàn, xã Xuất Hóa, thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn kế toán từ ngày 01/10/2013 đến ngày 31/12/2013

Bảng cân đối kế toán(tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
1. Tài sản thuê ngoài			-		-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-		-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-		-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-		-
5. Ngoại tệ các loại:			-		-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-		-

Kế toán trưởng



Hà Thị Thu Huyền

Lập ngày 05 tháng 01 năm 2014

Giám đốc



Nguyễn Văn Dĩnh

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN NÀ RÌ HAMICO

Địa chỉ: thôn Lũng Hoàn, xã Xuất Hóa, thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý IV năm 2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này		Đơn vị tính: VND
			Năm nay		Năm nay		
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	63.000.000.000	189.253.917.868	245.224.101.647	446.934.053.214	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		808.013.700	3.078.944.688	808.013.700	5.704.284.257	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		62.191.986.300	186.174.973.180	244.416.087.947	441.229.768.957	
4. Giá vốn hàng bán	11		15.315.713.432	165.940.706.714	142.697.105.566	358.661.851.005	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		46.876.272.868	20.234.266.466	101.718.982.381	82.567.917.952	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		2.184.583	1.583.571	10.502.060	11.810.099	
7. Chi phí tài chính	22		45.054.861.251	17.937.447.893	83.632.173.008	74.556.210.382	
Trong đó: chi phí lãi vay	23		45.054.861.251	17.937.447.893	83.632.173.008	74.556.210.382	
8. Chi phí bán hàng	24			325.000.000	(264.895.891)	650.520.000	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		949.644.351	990.362.001	4.894.907.653	4.997.369.857	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		873.951.849	983.040.143	13.467.299.671	2.375.627.812	
11. Thu nhập khác	31		-	-	208.024.620	-	

Báo cáo tài chính quý III

12. Chi phí khác	32	136.487.787	8.608.758	1.639.078.068	1.908.464.124
13. Lợi nhuận khác	40	(136.487.787)	(8.608.758)	(1.431.053.448)	(1.908.464.124)
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45				
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	737.464.062	974.431.385	12.036.246.223	467.163.688
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	184.366.016	243.607.846	2.682.722.648	137.462.752
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	553.098.047	730.823.539	9.353.523.576	329.700.936

Lập ngày 05 tháng 01 năm 2014

Kế toán trưởng



Hà Thị Thu Huyền

Giám đốc



Nguyễn Văn Đình

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN NA RÌ HAMICO

Địa chỉ: Thôn Lũng Hoàn, xã Xuất Hóa, thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn kế toán từ ngày 01/10/2013 đến ngày 31/12/2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý IV năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		737.464.062	467.163.688
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		18.172.509.963	25.929.492.791
- Các khoản dự phòng	03		1.842.716.607	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	-
- Chi phí lãi vay	06		50.042.861.251	74.556.210.382
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		70.795.551.883	100.952.866.861
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(62.566.189.847)	(405.860.466.183)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(215.735.775.262)	(102.935.644.042)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		132.454.319.545	20.271.974.552
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		354.208.972	1.125.290.555
- Tiền lãi vay đã trả	13		-	(17.937.447.893)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		18.460.862.928	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	(10.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(56.237.021.781)	(404.393.426.150)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(162.220.000)	(32.654.678.446)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		(8.200.000.000)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.184.583	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(8.360.035.417)	(32.654.678.446)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN NA RÌ HAMICO

Địa chỉ: Thôn Lũng Hoàn, xã Xuất Hóa, thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn kế toán từ ngày 01/10/2013 đến ngày 31/12/2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		61.562.500.000	664.444.399.478
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		2.262.500.000	(227.360.956.300)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		63.825.000.000	437.083.443.178
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(772.057.198)	35.338.582
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	3.339.891.041	3.304.552.459
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	2.567.833.843	3.339.891.041

Kế toán trưởng

Hà Thị Thu Huyền

Lập ngày 05 tháng 01 năm 2014

Giám đốc**Nguyễn Văn Đình**

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN NA RÌ HAMICO

Địa chỉ: Lũng Hoàn – Xuất Hóa – Bắc Kạn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn kế toán từ ngày 01 tháng 10 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Khai thác, thương mại, xây dựng, dịch vụ
3. **Ngành nghề kinh doanh chính** : Xây dựng dân dụng, giao, thông thủy lợi.
San lấp mặt bằng;
Khai thác, thăm dò, khảo sát, chế biến, kinh doanh quặng kim loại (quặng sắt, chì, kẽm, đồng, niken, thiếc, ti tan);
Khai thác quặng vàng, bạc;
Bán buôn sắt thép, bán buôn phế liệu;

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.
2. **Tiền và tương đương tiền**
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN NA RÌ HAMICO

Địa chỉ: Lũng Hoàn – Xuất Hóa – Bắc Kạn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn kế toán từ ngày 01 tháng 10 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc và thiết bị	4 – 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN NA RÌ HAMICO

Địa chỉ: Lũng Hoàn – Xuất Hóa – Bắc Kạn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn kế toán từ ngày 01 tháng 10 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, Công ty con, Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

10. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

11. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ là thuế thu nhập hiện hành. Là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN NA RÌ HAMICO

Địa chỉ: Lũng Hoàn – Xuất Hóa – Bắc Kạn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn kế toán từ ngày 01 tháng 10 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	11.428.898.195	3.188.880.162
Tiền gửi ngân hàng	138.935.648	151.010.879
Cộng:	11.567.833.843	3.339.891.041

2. Các khoản phải thu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng	268.169.962.930	260.478.183.571
Trả trước cho người bán	445.092.834.664	278.955.422.985
Các khoản phải thu khác	2.891.000.000	17.661.000.000
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	0	(252.961.172)
Cộng	716.153.797.594	556.841.645.384

3. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	118.671.445.805	133.042.779.516
Công cụ, dụng cụ	680.482.741	680.482.741
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	321.563.842.121	98.880.954.917
Thành phẩm	9.709.582.681	14.647.641.895
Hàng hóa	102.910.073.624	90.547.792.641
Cộng	553.535.426.927	337.799.651.710

4. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí trả trước ngắn hạn	379.101.550	264.970.371
Thuế GTGT được khấu trừ	5.525.983.908	2.831.837.102
thuế và các khoản phải thu nhà nước	4.497.409.935	-
Tạm ứng	10.913.742.172	22.999.742.172
Cộng	21.316.742.565	26.096.549.645

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN NA RÌ HAMICO

Địa chỉ: Lũng Hoàn – Xuất Hóa – Bắc Kạn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn kế toán từ ngày 01 tháng 10 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư tại 01/01/2013	134.767.315.222	90.774.909.808	18.932.308.884	355.488.392	244.830.022.306
Tăng trong năm	-			162.220.000	68.720.000
<i>Mua sắm mới</i>					
Đầu tư XDCB hoàn thành	13.319.115.000	23.660.074.825		-	36.979.189.825
Giảm trong năm		-		-	-
Số dư tại 31/12/2013	148.086.430.222	114.434.984.633	18.932.308.884	517.708.392	281.971.432.131
Giá trị hao mòn					
Số dư tại 01/01/2013	34.010.147.496	29.934.397.277	6.376.942.760	324.868.049	70.646.355.582
Tăng trong năm					
<i>Khấu hao trong năm</i>	9.623.802.516	5.693.743.818	2.834.143.628	20.820.001	18.172.509.963
Giảm trong năm					
Số dư tại 30/09/2013	43.633.950.012	35.628.141.095	9.211.086.388	345.688.050	88.818.865.545
Giá trị còn lại					
Số dư tại 01/01/2013	100.757.167.726	60.840.512.531	12.555.366.124	30.620.343	174.183.666.724
Số dư tại 30/09/2013	104.452.480.210	78.806.843.538	9.721.222.496	172.020.342	193.152.566.586

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN NA RÌ HAMICO

Địa chỉ: Lũng Hoàn – Xuất Hóa – Bắc Kạn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn kế toán từ ngày 01 tháng 10 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Tài sản cố định vô hình**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên giá	541.000.000	541.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-
Giá trị còn lại	541.000.000	541.000.000

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án Cacbonat	45.049.230.796	45.049.230.796
Dự án khai thác chế biến chì, kẽm Ngân Sơn	0	36.979.189.825
Dự án Bô xít Cao Bằng	579.271.987	579.271.987
Dự án khai thác quặng Nephelin	527.272.727	527.272.727
Dự án khai thác đá vôi trắng Bản Lồm	23.636.364	23.636.364
Mỏ chì kẽm cốc lót ngân sơn	12.977.834.000	12.977.384.000
Cộng	61.034.801.503	98.013.991.328

8. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Chợ Bắc Kạn	50.000.000.000	41.800.000.000
Cộng	50.000.000.000	41.800.000.000

9. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty CP khoáng sản và Luyện kim Bắc Kạn	600.000.000	600.000.000
Cộng	600.000.000	600.000.000

10. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	899.911.392.103	579.769.713.767
Vay dài hạn đến hạn trả	12.300.000.000	21.733.000.000
Cộng	912.211.392.103	601.502.713.767

11. Các khoản phải trả khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	72.227.994.218	75.865.264.997
Người mua trả tiền trước	30.694.913.203	20.495.809.984
Phải trả người lao động	765.069.545	1.094.069.544
Các khoản phải trả phải nộp khác	50.700.138.923	50.448.567.006
Cộng	154.388.115.889	147.903.711.531

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN NA RÌ HAMICO

Địa chỉ: Lũng Hoàn – Xuất Hóa – Bắc Kạn
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn kế toán từ ngày 01 tháng 10 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Vốn chủ sở hữu + Vốn khác

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	241.900.000.000	24.780.000.000	25.759.453.786	6.358.402.931	66.351.450.659	365.149.307.376
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	4.264.711.253	4.264.711.253
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	241.900.000.000	24.780.000.000	25.759.453.786	6.358.402.931	70.616.161.912	369.414.018.629
Số dư đầu năm nay	241.900.000.000	24.780.000.000	25.759.453.786	6.358.402.931	70.616.161.912	369.414.018.629
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	9.353.523.576	9.353.523.576
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Góp vốn hợp tác LD	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	241.900.000.000	24.780.000.000	25.759.453.786	6.358.402.931	79.969.685.488	378.767.542.205

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN NA RÌ HAMICO

Địa chỉ: Lũng Hoàn – Xuất Hóa – Bắc Kạn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giải đoạn kế toán từ ngày 01 tháng 10 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế thu nhập Doanh nghiệp	2.806.374.562	21.862.487.256
Thuế Tài nguyên	394.403.000	836.303.000
Phí BVMT	-	867.317.750
Thuế Xuất nhập khẩu	28.512.495	
Cộng:	3.229.290.057	23.566.108.006

13. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bắc Kạn ^(a)	38.968.476.196	42.818.476.197
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – CN Bắc Kạn Thái Nguyên ^(b)	40.424.254.645	31.891.255.526
Cộng	79.392.730.841	74.709.731.723

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN NA RÌ HAMICO

Địa chỉ: Lũng Hoàn – Xuất Hóa – Bắc Kạn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn kế toán từ ngày 01 tháng 10 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	63.000.000.000	189.253.917.868

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn bán hàng hóa, dịch vụ	15.315.713.432	165.940.706.714

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	2.184.583	1.583.571

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	45.054.861.251	17.937.447.893

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	949.644.351	990.362.001

6. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền phạt		
Chi phí khác	136.487.787	8.608.758

7. Giải trình Doanh thu, Lợi nhuận.

- Trong quý IV năm 2013 Do nhà máy tuyển luyện Chi kẽm Ngân Sơn của Công ty tạm dừng để sửa chữa và bảo dưỡng lò từ trong quý III đến tháng 12/2013 mới tiếp tục hoạt động sản xuất. Và do ảnh hưởng thời tiết mưa nhiều nên việc khai thác, vận chuyển xuất bán quặng sắt cũng bị hạn chế dẫn đến Doanh thu quý IV năm nay chỉ đạt 33.28%; Giá vốn đạt: 9.22% và Lợi nhuận sau thuế đạt: 75.68% so với cùng kỳ năm trước.

Kế toán trưởng**Hà Thị Thu Huyền**

Bắc Kạn, ngày 05 tháng 01 năm 2014

Giám đốc**Nguyễn Văn Đình**